TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/DS-ST
Ngày: 15/07/2024
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt.**
2. Ông **Võ Quí Quốc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST – DS ngày 01 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Thái H**, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: N, Ấp N, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981 trú tại Đ, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thị Thái H** (Văn bản ủy quyền số 18419 ngày 19/12/2023). (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: L, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn**: Anh **Lê Quốc T**, sinh năm 1979. (Có mặt)

ĐKTT: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: C, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Chị **Nguyễn Thị Thanh Ph**, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

ĐKTT: M, Phường Đ, Quận M, TP Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: C, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Anh **Đoàn Minh P**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thái H trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Thái H và vợ chồng anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph có mối quan hệ làm ăn quen biết nhau đã lâu. Do anh T, chị Ph cần tiền để trả nợ lãi ngân hàng nên có hỏi mượn tiền của chị H nhưng chị không có tiền mặt để cho mượn. Chị H đã cầm chiếc xe SH Ý biển số 63 – UI 2233 cho anh Đoàn Minh P (chị Hiền mua xe của anh Đoàn Minh P chưa sang tên) để có tiền cho anh T, chị Ph mượn. Vợ chồng anh T, chị Ph hứa trong vòng 60 ngày sẽ chuộc lại xe và trả tiền cho anh P. Tuy nhiên, vợ chồng anh T, chị Ph không đóng tiền lãi cho anh P, nay chiếc xe không có tiền chuộc lại nên đã bị bán để thu hồi nợ. Do đó, chị Nguyễn Thị Thái H yêu cầu anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải có trách nhiệm trả cho chị tiền giá trị chiếc xe là 200.000.000 đồng. Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/03/2024, chị Nguyễn Thị Thái H có ý kiến yêu cầu vợ chồng anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải có trách nhiệm trả cho chị H tiền giá trị chiếc xe (xe honda SH Ý biển số 63 – UI 2233) là 200.000.000 đồng. Thời gian trả là 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thái H – Đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hoàng A yêu cầu anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 200.000.000 đồng là tiền giá trị chiếc xe SH Ý biển số 63 – UI 2233. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* **<u>Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc T trình bày</u>:**

Anh Lê Quốc T thừa nhận do cần tiền để trả tiền lãi Ngân hàng nên anh T và chị Ph có hỏi mượn tiền của chị Nguyễn Thị Thái H nhưng chị H không có tiền mặt để cho mượn. Do đó, chị H đã cầm chiếc xe SH biển số 63 – UI 2233 để có tiền đưa cho vợ chồng anh mượn. Anh có nhận số tiền mà chị H đã cầm chiếc xe nêu trên để có tiền giao cho anh mượn. Nay anh đồng ý hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng (là tiền giá trị chiếc xe để chị H mua lại chiếc xe honda SH). Thời gian hoàn trả tiền là 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Lê Quốc T trình bày tuy số tiền anh nhận chỉ có 150.000.000 đồng (là tiền cầm chiếc xe SH biển số 63 – UI 2233 cho anh P) nhưng anh đồng ý hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng là tiền giá trị chiếc xe để chị H mua lại chiếc xe SH khác. Anh T xin thời gian trả tiền là 02 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

* **<u>Tại Bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày</u>:**

Chị Nguyễn Thị Thanh Ph thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị Thái H 200.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe SH Ý biển số 63 - UI 2233 mà anh T đã mượn của chị H để cầm cố cho người khác. Do không có tiền chuộc lại nên đã bị bán. Trong thời gian 03 tháng, chị sẽ thanh toán số tiền trên.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Minh P, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Minh P dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thái H thuộc tranh chấp dân sự là "Đòi Tài sản". Bị đơn anh Lê Quốc T, chị Nguyễn Thị Thanh Ph cùng nơi ở tại số C, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ph vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Minh P vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh Ph, anh Đoàn Minh P.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thái H – Đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng là là tiền giá trị chiếc xe honda SH biển số 63 – UI 2233 (do vợ chồng anh T, chị Ph không đóng tiền lãi cho anh Đoàn Minh P, chiếc xe không có tiền chuộc lại nên đã bị bán để thu hồi nợ). Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Quốc T thống nhất đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Thái H tiền giá trị chiếc xe honda SH biển số 63 – UI 2233 là 200.000.000 đồng. Anh T xin trả số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, tại Bản tự khai ngày 08/03/2024, chị Nguyễn Thị Thanh Ph thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng là tiền giá trị của chiếc xe SH Ý biển số 63 - UI 2233 như đã nêu trên. Chị Ph xin trả số tiền 200.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng.

[5] Căn cứ vào Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự, chị Nguyễn Thị Thái H yêu cầu anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải trả số tiền 200.000.000 đồng (là tiền giá trị chiếc xe honda SH biển số 63 – UI 2233) là có cơ sở phù hợp với những điều luật đã viện dẫn ở trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph là người có lỗi đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận. Nay chị Nguyễn Thị Thái H yêu cầu anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph trả cho chị Nguyễn Thị Thái H tiền giá trị chiếc xe honda SH biển số 63 – UI 2233 là 200.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Buộc anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải trả cho chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thái H. Buộc anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thái H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thái H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005580 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND. TP M.*
- *Chi cục THADS. TP M.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*